

QUYỀN TƯ PHÁP VÀ THỰC HIỆN QUYỀN TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN ĐỨC THẢO

Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên

Nhận bài ngày 12/8/2026. Sửa chữa xong 10/9/2026. Duyệt đăng 15/9/2026.

Abstract

Based on theoretical perspectives on judicial power, the 2013 Constitution, and current legislation, this article clarifies the nature and scope of judicial power and its exercise in Vietnam. It analyzes the current exercise of judicial power in the context of judicial reform and the development of a socialist rule-of-law state. On this basis, the article proposes several directions for ensuring the effective exercise of judicial power, thereby contributing to improving the mechanisms for the allocation, coordination, and control of state power in Vietnam.

Keywords: Courts, exercise of judicial power, judicial power, rule-of-law state, state power.

1. Đặt vấn đề

Quyền tư pháp (QTP) là một trong những phương diện cơ bản của quyền lực nhà nước, giữ vai trò bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN) lợi ích của Nhà nước cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên ghi nhận nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, đồng thời xác định Tòa án nhân dân là cơ quan thực hiện QTP. Việc hiến định quyền tư pháp đã tạo cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng cho quá trình cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Tuy nhiên, cả về phương diện lý luận và thực tiễn vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, như nội hàm của QTP, phạm vi thực hiện QTP, chủ thể thực hiện QTP và mối quan hệ giữa hoạt động xét xử với các hoạt động tư pháp khác. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực hiện QTP vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định liên quan đến cơ chế bảo đảm tính độc lập của hoạt động xét xử, sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp và yêu cầu kiểm soát quyền lực trong hoạt động tư pháp.

Trên cơ sở phân tích các quan điểm khoa học, quy định của pháp luật và thực tiễn tổ chức thực hiện, bài viết làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về QTP và thực hiện QTP, đánh giá thực trạng, đồng thời đề xuất một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện QTP trong điều kiện tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát chung về quyền tư pháp và thực hiện quyền tư pháp

QTP là một trong những bộ phận cấu thành quyền lực nhà nước, gắn liền với sự hình thành và phát triển của tư tưởng về tổ chức quyền lực nhà nước trong lịch sử nhân loại. Ngay từ thời kỳ Hy Lạp cổ đại, Aristốt đã đề cập đến việc phân chia các hoạt động của nhà nước thành những lĩnh vực khác nhau, trong đó hoạt động xét xử được thực hiện bởi các thiết chế chuyên biệt nhằm giải quyết tranh chấp và bảo đảm công lý. Đến thời kỳ cận đại, cùng với sự phát triển của học thuyết phân quyền, QTP được xác định là một nhánh quyền lực độc lập bên cạnh quyền lập pháp và quyền hành pháp. Đặc biệt, Montesquieu cho rằng việc trao quyền xét xử cho một cơ quan độc lập là điều kiện tiên quyết để ngăn ngừa sự lạm quyền và bảo đảm tự do của công dân (Montesquieu, 1748; Lê Văn Cẩm, 2013).

Email: tqthang686@gmail.com

Tuy nhiên, trong mô hình tổ chức quyền lực nhà nước XHCN, QTP không được tiếp cận theo học thuyết tam quyền phân lập tuyệt đối mà được đặt trong tổng thể nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp (Nguyễn Đăng Dung, Đặng Minh Tuấn, Vũ Công Giao, 2023, tr.92). Theo đó, sự phân công giữa các quyền không làm thay đổi bản chất thống nhất của quyền lực nhà nước mà chỉ phản ánh sự phân công chức năng để thực hiện có hiệu quả quyền lực thuộc về Nhân dân (Nguyễn Minh Đoan, 2022).

Từ góc độ lý luận, mặc dù còn tồn tại nhiều cách tiếp cận khác nhau, song đa số các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng QTP trước hết là quyền năng nhà nước được trao cho Tòa án để thực hiện chức năng xét xử, bảo vệ công lý và bảo vệ pháp luật. Theo quan điểm của GS.TSKH. Võ Khánh Vinh, QTP là khả năng và năng lực riêng có của Tòa án trong việc thực hiện quyền xét xử và các thẩm QTP khác theo trình tự, thủ tục luật định nhằm tác động đến các quan hệ xã hội, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân và trật tự pháp luật (Võ Khánh Vinh, 2003). Quan niệm này cho thấy QTP không chỉ giới hạn ở việc giải quyết các vụ án mà còn bao hàm nhiều quyền năng khác gắn với hoạt động xét xử như hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ, giải thích pháp luật trong phạm vi được giao và bảo đảm hiệu lực của các bản án, quyết định của Tòa án.

Ở Việt Nam, nhận thức về QTP có bước phát triển quan trọng cùng với tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Nếu như Hiến pháp năm 1992 chưa xác định rõ chủ thể thực hiện QTP thì Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên hiến định: *“Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp”*.¹ Quy định này không chỉ xác lập vị trí hiến định của Tòa án trong cơ chế quyền lực nhà nước mà còn khẳng định QTP là một loại quyền lực nhà nước độc lập về chức năng, được thực hiện thông qua hoạt động xét xử và các hoạt động tư pháp theo quy định của pháp luật.

Từ việc xác định QTP thuộc về Tòa án, cần phân biệt giữa QTP và thực hiện QTP. QTP phản ánh phương diện quyền lực nhà nước được Hiến pháp trao cho Tòa án, còn thực hiện QTP là quá trình hiện thực hóa quyền lực đó thông qua việc thực hiện các thẩm quyền do pháp luật quy định. Thực hiện QTP không đơn thuần là hoạt động xét xử mà là toàn bộ quá trình áp dụng pháp luật theo trình tự tố tụng nhằm giải quyết các tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (Võ Khánh Vinh, 2003; Lê Văn Cẩm, 2013). Trong quá trình đó, mặc dù Tòa án là chủ thể duy nhất thực hiện QTP, nhưng việc hiện thực hóa QTP luôn có sự tham gia của nhiều cơ quan khác như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án và các cơ quan hỗ trợ tư pháp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định (Võ Khánh Vinh, 2003).

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay, QTP và việc thực hiện QTP mang những đặc điểm riêng. Một mặt, QTP phải bảo đảm tính độc lập của hoạt động xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Hiến pháp năm 2013; mặt khác, QTP vẫn được thực hiện trong khuôn khổ nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước. Điều này tạo nên đặc trưng riêng của mô hình QTP ở Việt Nam, khác với mô hình phân quyền tuyệt đối ở nhiều quốc gia theo truyền thống pháp luật phương Tây. Do đó, việc nghiên cứu QTP cần được đặt trong chỉnh thể của cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước ở Việt Nam, đồng thời bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu độc lập tư pháp với yêu cầu phối hợp, kiểm soát quyền lực nhằm thực hiện hiệu quả chức năng bảo vệ công lý và bảo vệ quyền con người.

2.2. Quy định của pháp luật và thực trạng thực hiện quyền tư pháp ở Việt Nam

2.2.1. Quy định của pháp luật về thực hiện quyền tư pháp

Cách thức tổ chức quyền lực nhà nước ở Việt Nam chi phối trực tiếp việc xác định vị trí và giới hạn của QTP. QTP không được thiết kế như một nhánh quyền lực tách khỏi lập pháp và hành pháp, mà được đặt trong nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có phân công, phối hợp và kiểm soát. Vì vậy, nói đến tính độc lập của tư pháp ở Việt Nam trước hết là nói đến sự độc lập khi Tòa án thực hiện chức

1) Điều 102 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

năng xét xử và các thẩm quyền được Hiến pháp, pháp luật giao, chứ không đồng nghĩa với sự biệt lập của Tòa án khỏi cơ chế quyền lực nhà nước. Điều 102 Hiến pháp năm 2013 xác định Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử và là cơ quan thực hiện QTP. So với các bản Hiến pháp trước, quy định này đã làm rõ hơn địa vị hiến định của Tòa án: Tòa án không chỉ được nhận diện bởi một hoạt động là xét xử mà còn được xác định theo loại quyền lực nhà nước mà mình thực hiện. Cùng với đó, việc Hiến pháp giao cho Tòa án nhiệm vụ bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân, chế độ XHCN, lợi ích của Nhà nước và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân cho thấy nội dung của QTP phải được xem xét từ chính chức năng hiến định của Tòa án, thay vì chỉ từ kỹ thuật giải quyết từng vụ án. (Nguyễn Đăng Dung, Đặng Minh Tuấn, Vũ Công Giao, 2023, tr. 92).

Một bảo đảm có tính trực tiếp đối với việc thực hiện QTP được ghi nhận tại Điều 103 Hiến pháp năm 2013: Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; mọi hành vi can thiệp vào việc xét xử đều bị nghiêm cấm. Quy định này cần được hiểu gắn với bản chất của hoạt động xét xử. Khi giải quyết một vụ việc cụ thể, kết luận của Hội đồng xét xử phải được hình thành từ hồ sơ, chứng cứ đã được xem xét theo thủ tục tố tụng và quy định pháp luật áp dụng cho vụ việc đó. Nếu phán quyết còn phụ thuộc vào ý chí của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân bên ngoài Hội đồng xét xử thì QTP khó có thể được thực hiện đúng nghĩa. Bởi vậy, độc lập xét xử vừa là nguyên tắc tổ chức hoạt động Tòa án, vừa là yêu cầu đối với quá trình hình thành phán quyết tư pháp.

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 tiếp tục cụ thể hóa những quy định nói trên của Hiến pháp. Đạo luật này xác định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tòa án nhân dân, đồng thời điều chỉnh tổ chức hệ thống Tòa án, thẩm quyền của từng cấp Tòa án và địa vị pháp lý của các chức danh tư pháp. Điểm cần lưu ý là việc cụ thể hóa QTP không dừng ở việc nhắc lại chức năng xét xử. Các quy định về tổ chức bộ máy, phân định thẩm quyền, tiêu chuẩn và trách nhiệm của Thẩm phán, Hội thẩm, Chánh án cùng các chức danh khác tạo ra những điều kiện pháp lý để Tòa án có thể thực hiện chức năng hiến định trong thực tế. Vì thế, đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về QTP cũng phải xem xét liệu các quy định về tổ chức có tạo được những bảo đảm cần thiết cho hoạt động xét xử độc lập, đúng thẩm quyền và chịu trách nhiệm hay không.

QTP được thực hiện trong từng vụ việc thông qua pháp luật tố tụng. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và các văn bản có liên quan quy định cách thức Tòa án thụ lý, thu thập và kiểm tra tài liệu, chứng cứ, tổ chức phiên tòa, nghị án và ban hành bản án, quyết định. Những thủ tục này không đơn thuần mang tính kỹ thuật. Chúng giới hạn cách thức sử dụng quyền lực xét xử, đồng thời bảo đảm cho người tham gia tố tụng thực hiện quyền bào chữa, tranh tụng, trình bày ý kiến và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Một phán quyết tư pháp chỉ có sức thuyết phục khi được hình thành theo đúng thủ tục và dựa trên những chứng cứ đã được kiểm tra, đánh giá công khai theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không hoạt động tách rời Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án và các cơ quan hữu quan. Mỗi cơ quan thực hiện một nhóm nhiệm vụ khác nhau và sự phối hợp giữa các cơ quan là cần thiết để hoạt động tố tụng không bị đứt đoạn. Tuy nhiên, phối hợp không có nghĩa là cùng quyết định nội dung phán quyết. Ở giai đoạn xét xử, việc chấp nhận hay bác bỏ chứng cứ, xác định tình tiết pháp lý và đưa ra phán quyết thuộc trách nhiệm của Tòa án theo thẩm quyền. Sự phân biệt này có ý nghĩa thực tế, bởi nếu đồng nhất việc các cơ quan cùng tham gia tố tụng với việc cùng thực hiện QTP thì ranh giới trách nhiệm giữa các chủ thể sẽ trở nên không rõ. Hiến pháp xác định Tòa án là cơ quan thực hiện QTP; các cơ quan khác tham gia quá trình tố tụng theo chức năng mà pháp luật giao.

Định hướng cải cách tư pháp cũng tác động đáng kể đến quá trình xây dựng pháp luật về tổ chức và hoạt động của Tòa án. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 đặt ra nhiều yêu cầu về đổi mới tổ chức tư pháp, nâng cao chất lượng tranh tụng và hoạt động xét xử. Sau đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 tiếp tục đặt vấn đề xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, đồng thời yêu cầu hoàn thiện cơ chế kiểm soát

quyền lực nhà nước. Những định hướng này cho thấy cải cách tư pháp không chỉ là việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Tòa án. Nội dung quan trọng hơn là tạo ra các điều kiện để hoạt động xét xử có chất lượng, người dân có khả năng tiếp cận công lý và quyền lực tư pháp được thực hiện trong giới hạn pháp luật.

Từ các quy định hiện hành có thể nhận thấy khuôn khổ pháp lý về thực hiện QTP đã được hình thành trên cả ba phương diện: xác định chủ thể thực hiện QTP; thiết lập các nguyên tắc chi phối hoạt động xét xử; và quy định trình tự để quyền xét xử được thực hiện trong từng loại vụ việc. Dẫu vậy, mức độ đầy đủ của văn bản pháp luật chưa thể tự nó phản ánh hiệu quả thực hiện QTP. Vấn đề quyết định vẫn nằm ở cách các nguyên tắc hiến định được vận hành trong tổ chức Tòa án và trong từng hoạt động tố tụng. Đây cũng là cơ sở để xem xét thực trạng ở phần tiếp theo.

2.2.2. Thực trạng thực hiện quyền tư pháp ở Việt Nam

Thực tiễn thực hiện QTP những năm gần đây cho thấy sự thay đổi diễn ra đồng thời ở tổ chức Tòa án, phương thức xét xử và các điều kiện bảo đảm hoạt động tư pháp. Việc Hiến pháp năm 2013 xác định Tòa án là cơ quan thực hiện QTP đã tạo cơ sở để nhìn nhận lại vị trí của Tòa án trong bộ máy nhà nước; các đạo luật về tổ chức và tố tụng sau đó tiếp tục cụ thể hóa nguyên tắc độc lập xét xử, tranh tụng và bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng. Tuy nhiên, khi đánh giá thực trạng không nên chỉ căn cứ vào số lượng quy định mới được ban hành. Hiệu quả của QTP phải được thể hiện qua chất lượng giải quyết vụ việc, khả năng bảo vệ quyền của các bên, mức độ độc lập của người xét xử và hiệu lực thực tế của phán quyết.

Trước hết, hoạt động xét xử đã có những thay đổi theo hướng công khai và dễ tiếp cận hơn. Hệ thống Tòa án phải giải quyết số lượng lớn vụ án hình sự, dân sự, hành chính, kinh doanh, thương mại, lao động, hôn nhân và gia đình; trong điều kiện đó, yêu cầu vừa bảo đảm tiến độ vừa bảo đảm chất lượng đặt áp lực đáng kể lên đội ngũ xét xử. Việc công khai bản án, quyết định trên môi trường điện tử, tổ chức phiên tòa trực tuyến đối với những trường hợp pháp luật cho phép và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin đã mở rộng khả năng theo dõi hoạt động xét xử của xã hội. Những thay đổi này có ý nghĩa không chỉ ở phương diện quản lý. Khi bản án được công khai và hoạt động xét xử chịu sự quan sát rộng hơn, yêu cầu đối với lập luận của bản án, việc tuân thủ thủ tục và trách nhiệm của người tiến hành tố tụng cũng cao hơn.

Một chuyển biến khác nằm ở việc nguyên tắc độc lập xét xử ngày càng được nhấn mạnh trong pháp luật và trong hoạt động nghề nghiệp của Thẩm phán. Việc chuẩn hóa tiêu chuẩn, quy trình tuyển chọn, bổ nhiệm và bồi dưỡng Thẩm phán tạo cơ sở để nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ xét xử. Tuy vậy, độc lập tư pháp không thể chỉ được đánh giá qua quy định cấm can thiệp vào xét xử. Nó còn phụ thuộc vào cách tổ chức quản lý Tòa án, cơ chế đánh giá người xét xử, điều kiện làm việc và khả năng để Thẩm phán chịu trách nhiệm về phán quyết của mình mà không phải chịu những tác động không thuộc phạm vi tố tụng. Vì vậy, những kết quả đạt được trong thời gian qua mới là một phần của yêu cầu bảo đảm độc lập xét xử.

Việc giải quyết các vụ án hành chính cho thấy rõ hơn vai trò của Tòa án trong kiểm soát tính hợp pháp của hoạt động quản lý nhà nước. Khi cá nhân, tổ chức khởi kiện quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính, Tòa án có điều kiện xem xét việc cơ quan hành chính sử dụng thẩm quyền có đúng căn cứ, trình tự và giới hạn pháp luật hay không. Ở phương diện khác, hoạt động tổng kết thực tiễn xét xử, hướng dẫn áp dụng pháp luật và phát triển án lệ góp phần xử lý những cách hiểu khác nhau đối với cùng một quy định. Đây là những biểu hiện cụ thể của vai trò tư pháp trong việc duy trì tính thống nhất của pháp luật, dù phạm vi kiểm soát của Tòa án đối với các loại hành vi quyền lực nhà nước hiện vẫn có giới hạn.

Những kết quả nêu trên không loại trừ các vướng mắc đang tồn tại trong thực tiễn. Một số hạn chế liên quan trực tiếp đến thiết kế thể chế, trong khi một số khác xuất phát từ nhân lực, điều kiện hoạt động và quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Trước hết là vấn đề độc lập xét xử. Hiến pháp đã quy định rõ nguyên tắc này, nhưng để nguyên tắc được bảo đảm trên thực tế còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố ngoài quy tắc tố tụng. Cơ chế quản lý hành chính trong hệ thống Tòa án, phương thức đánh giá và điều động Thẩm phán, điều kiện ngân sách, cơ sở vật chất, cũng như sức ép xã hội đối với những vụ án được dư luận đặc biệt quan tâm đều có khả năng tác động đến môi trường ra quyết định của người xét xử. Không phải mọi tác động nói trên đều đồng nghĩa

với sự can thiệp vào một vụ án cụ thể, nhưng chúng cho thấy độc lập xét xử cần được bảo đảm bằng một hệ thống điều kiện về tổ chức và nghề nghiệp, chứ không thể chỉ dựa vào một điều khoản cấm can thiệp.

Phạm vi kiểm soát quyền lực bằng con đường tư pháp cũng còn tương đối hẹp. Trong tố tụng hành chính, Tòa án có thẩm quyền xem xét các quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện theo luật định. Trong khi đó, Tòa án không được trao thẩm quyền chung để tuyên một đạo luật là vi hiến hoặc trực tiếp hủy bỏ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan hành chính chỉ bằng cơ chế tài phán hiến pháp như ở một số mô hình nước ngoài. Điều 119 Hiến pháp năm 2013 đặt ra yêu cầu về cơ chế bảo vệ Hiến pháp, nhưng Việt Nam hiện chưa tổ chức một cơ quan tài phán hiến pháp chuyên trách. Vì vậy, khi bàn về vai trò kiểm soát quyền lực của quyền tư pháp ở Việt Nam cần nhìn nhận đúng phạm vi thẩm quyền mà pháp luật hiện hành giao cho Tòa án.

Chất lượng thực hiện QTP cũng chịu ảnh hưởng bởi sự chênh lệch về điều kiện hoạt động giữa các đơn vị Tòa án. Ở nơi số lượng vụ việc lớn nhưng biên chế, cơ sở vật chất hoặc nguồn cán bộ có kinh nghiệm chưa đáp ứng yêu cầu, áp lực giải quyết án có thể tác động trực tiếp đến thời gian và chất lượng xử lý vụ việc. Việc vẫn còn bản án, quyết định bị hủy hoặc sửa do nguyên nhân chủ quan cho thấy yêu cầu nâng cao chất lượng chuyên môn chưa thể coi là đã được giải quyết. Đối với những vụ án có nhiều đương sự, chứng cứ phức tạp hoặc cần xác minh ở nhiều địa bàn, thời gian giải quyết kéo dài còn làm tăng chi phí tố tụng và ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận công lý của người dân, doanh nghiệp.

Quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cũng phát sinh những điểm nghẽn. Hồ sơ, tài liệu hoặc kết quả xác minh được hình thành ở các giai đoạn khác nhau nên việc chuyển giao chậm, cung cấp chứng cứ không kịp thời hoặc cách đánh giá chứng cứ không thống nhất có thể làm kéo dài quá trình giải quyết vụ án. Sự khác nhau về quan điểm giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án tự thân không phải là biểu hiện tiêu cực, bởi mỗi cơ quan có chức năng và trách nhiệm tố tụng riêng. Vấn đề đặt ra là phải có cơ chế phối hợp đủ rõ để sự độc lập trong thực hiện chức năng không biến thành tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc làm gián đoạn tiến trình tố tụng.

Ngoài hoạt động xét xử từng vụ án, một số nhiệm vụ có quan hệ mật thiết với chất lượng thực hiện QTP vẫn cần được đầu tư nhiều hơn. Tổng kết thực tiễn xét xử, lựa chọn và phát triển án lệ, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật có tác dụng trực tiếp đối với việc hạn chế những cách hiểu khác nhau giữa các Tòa án. Số lượng án lệ được công bố tăng lên qua thời gian, nhưng so với số lượng và mức độ đa dạng của tranh chấp phát sinh thì khả năng bao quát vẫn còn hạn chế. Đối với thi hành bản án, nếu phán quyết có hiệu lực nhưng chậm hoặc không được thi hành đầy đủ thì hiệu quả bảo vệ quyền bằng con đường tư pháp cũng bị giảm đáng kể. Do đó, hiệu quả của QTP cần được nhìn từ cả quá trình, từ xét xử, hình thành chuẩn mực áp dụng pháp luật cho đến bảo đảm hiệu lực của phán quyết.

Có thể thấy những thay đổi về pháp luật và tổ chức đã tạo thêm điều kiện cho Tòa án thực hiện QTP, nhưng các hạn chế về độc lập xét xử, phạm vi kiểm soát quyền lực, nguồn nhân lực và hiệu quả phối hợp vẫn hiện hữu. Điều này cho thấy yêu cầu hoàn thiện trong giai đoạn tới không nên dừng ở việc bổ sung quy định. Cần đồng thời xử lý các điều kiện tổ chức bảo đảm cho Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, nâng chất lượng chuyên môn, cải thiện cơ chế phối hợp và tăng khả năng để phán quyết của Tòa án được tôn trọng, thi hành trên thực tế.

2.3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện quyền tư pháp ở Việt Nam

Trong bối cảnh tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, việc hoàn thiện pháp luật về thực hiện QTP cần được đặt trong tổng thể quá trình đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, bảo đảm sự thống nhất giữa yêu cầu cải cách tư pháp với yêu cầu hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước. Việc hoàn thiện không chỉ hướng tới nâng cao hiệu quả hoạt động của Tòa án mà còn phải tạo lập cơ sở pháp lý đầy đủ để QTP được thực hiện đúng bản chất, đúng chức năng hiến định, góp phần bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân và lợi ích của Nhà nước, tổ chức, cá nhân.

2.3.1. Hoàn thiện nhận thức lý luận về quyền tư pháp và thực hiện quyền tư pháp

Mặc dù Hiến pháp năm 2013 đã xác định Tòa án là cơ quan thực hiện QTP, song trong khoa học

pháp lý hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều cách tiếp cận khác nhau về khái niệm, nội hàm và phạm vi của QTP. Điều này ảnh hưởng đến việc xây dựng pháp luật cũng như xác định phạm vi chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp. Do đó, cần tiếp tục nghiên cứu để thống nhất nhận thức về QTP theo hướng xác định rõ QTP là quyền lực nhà nước thuộc về Tòa án, được thực hiện chủ yếu thông qua hoạt động xét xử và các thẩm QTP khác theo quy định của pháp luật. Đồng thời, cần làm rõ phạm vi QTP, phân biệt giữa chủ thể thực hiện QTP với các cơ quan tham gia thực hiện QTP, qua đó tạo cơ sở lý luận thống nhất cho việc hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện quyền tư pháp trong thời gian tới.

2.3.2. Pháp luật về tổ chức và tổ tụng cần được rà soát từ yêu cầu thực hiện quyền tư pháp của Tòa án, thay vì sửa đổi riêng lẻ từng quy định

Đối với Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, vấn đề cần tiếp tục làm rõ là sự phân định nhiệm vụ, thẩm quyền giữa các cấp Tòa án và cơ chế quản lý nội bộ sao cho không tạo ra ảnh hưởng không cần thiết đến hoạt động xét xử. Đối với pháp luật tố tụng, trọng tâm là bảo đảm các bên có điều kiện thực chất để tranh tụng, tiếp cận chứng cứ, thực hiện quyền bào chữa và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp. Quan hệ giữa Tòa án với Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra và cơ quan thi hành án cũng cần được quy định theo hướng mỗi cơ quan chịu trách nhiệm đầy đủ về phần việc của mình; phối hợp để bảo đảm tiến độ tố tụng nhưng không làm mờ ranh giới chức năng và trách nhiệm.

2.3.3. Bảo đảm độc lập của Tòa án phải được cụ thể hóa bằng các cơ chế liên quan trực tiếp đến địa vị nghề nghiệp của Thẩm phán và điều kiện hoạt động của Tòa án

Việc tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động và đánh giá Thẩm phán cần dựa trên tiêu chí có thể kiểm chứng về năng lực chuyên môn, phẩm chất nghề nghiệp và kết quả thực hiện nhiệm vụ, đồng thời hạn chế những tiêu chí có thể tạo ra sự lệ thuộc không cần thiết trong quá trình xét xử. Ngân sách, trụ sở, hạ tầng kỹ thuật và nhân lực phục vụ xét xử cũng cần được bảo đảm tương xứng với khối lượng công việc. Kinh nghiệm về Hội đồng tư pháp hoặc các thiết chế quản trị tư pháp ở nước ngoài có thể được nghiên cứu, nhưng việc tiếp thu phải đặt trong nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước và điều kiện chính trị, pháp lý của Việt Nam; không nên sao chép một mô hình chỉ vì mô hình đó được sử dụng ở quốc gia khác.

2.3.4. Nâng cao chất lượng xét xử cần đi vào chất lượng của từng phán quyết

Tranh tụng tại phiên tòa chỉ có ý nghĩa khi ý kiến và chứng cứ do các bên đưa ra được xem xét, trả lời trong lập luận của Hội đồng xét xử. Vì vậy, bên cạnh kỹ năng điều hành phiên tòa, cần chú trọng năng lực đánh giá chứng cứ, xác định vấn đề pháp lý và viết bản án của Thẩm phán. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án và các chức danh tư pháp khác nên gắn với những dạng sai sót thường gặp trong thực tiễn giải quyết án. Cùng với xét xử, hiệu quả thi hành án, nhất là thi hành án hành chính, cần được xem là một tiêu chí đánh giá hiệu lực của QTP. Công tác tổng kết xét xử, lựa chọn án lệ và hướng dẫn áp dụng pháp luật cũng phải tập trung vào những vấn đề đang có cách hiểu khác nhau, qua đó giảm tình trạng cùng một quy định nhưng được áp dụng không thống nhất.

2.3.5. Chuyển đổi số cần phục vụ trực tiếp cho hoạt động xét xử và quản trị Tòa án

Hồ sơ điện tử, chữ ký số, lưu trữ điện tử, trao đổi dữ liệu tố tụng và phiên tòa trực tuyến có thể rút ngắn một số khâu thủ tục, nhưng chỉ phát huy tác dụng khi hạ tầng kỹ thuật ổn định và quy trình sử dụng đủ rõ. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu tư pháp cần tính đến khả năng kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, đồng thời bảo đảm yêu cầu bảo mật đối với thông tin tố tụng. Đối với trí tuệ nhân tạo, phạm vi phù hợp trước mắt là hỗ trợ tìm kiếm văn bản, án lệ, hệ thống hóa tài liệu và xử lý những công việc có tính kỹ thuật. AI không thể thay Thẩm phán đánh giá chứng cứ hoặc quyết định nội dung phán quyết, bởi đây là những hoạt động gắn với thẩm quyền hiến định và trách nhiệm cá nhân của người xét xử.

3. Kết luận

Hiến pháp năm 2013 đã xác định rõ Tòa án nhân dân là cơ quan thực hiện QTP, qua đó tạo cơ sở hiến định để tiếp tục hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Tòa án. Pháp luật hiện hành đã có những bước cụ thể hóa đáng kể, song khoảng cách giữa quy định và việc thực hiện vẫn thể hiện ở các vấn đề như bảo đảm độc

lập xét xử, phạm vi kiểm soát quyền lực bằng con đường tư pháp, chất lượng đội ngũ, điều kiện hoạt động và hiệu lực thi hành phán quyết. Vì vậy, hướng hoàn thiện cần tập trung vào những điều kiện làm cho QTP được thực hiện thực chất: xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của Tòa án, củng cố địa vị nghề nghiệp của Thẩm phán, nâng chất lượng lập luận tư pháp, bảo đảm hiệu lực bản án và sử dụng công nghệ như một công cụ hỗ trợ hoạt động xét xử. Đây là những vấn đề có quan hệ trực tiếp đến khả năng bảo vệ công lý và quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức bằng con đường tư pháp.

Tài liệu tham khảo

- Lê Văn Cẩm (2013). Quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền. *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 19.
- Montesquieu (1748). *The Spirit of Laws (De l'esprit des lois)*.
- Nguyễn Đăng Dung, Đặng Minh Tuấn, Vũ Công Giao (đồng chủ biên, 2023). *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam* (tái bản lần thứ nhất). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Minh Đoan (2022). Thực hiện quyền lực nhà nước ở Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 08.
- Quốc hội (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*.
- Quốc hội (2024). *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024*.
- Võ Khánh Vinh (2003). Về quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta. *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 8.
-

XÁC LẬP QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM...

Tiếp theo trang 215

Vấn đề khó khăn đối với pháp luật hiện nay không chỉ là xác định ai là tác giả của sản phẩm đầu ra có sử dụng AI hỗ trợ mà phải giải quyết đồng thời quyền đối với dữ liệu đầu vào, minh bạch quá trình tạo nội dung, trách nhiệm của nhà cung cấp hệ thống, nghĩa vụ của người sử dụng và cơ chế phân phối lợi ích giữa ngành công nghiệp AI với cộng đồng sáng tạo. Nguyên tắc lấy con người làm trung tâm mà pháp luật Việt Nam xác lập là nền tảng phù hợp. AI có thể mở rộng khả năng sáng tạo, nhưng quyền tác giả chỉ nên phát sinh khi phía sau sản phẩm vẫn có thể nhận diện được sự lựa chọn, kiểm soát và đóng góp trí tuệ thực chất của con người.

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2023). *Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan*.
- Chính phủ (2026). *Nghị định số 134/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan*.
- Dương Việt Anh (2025). Bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm được tạo ra bằng trí tuệ nhân tạo. *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam*, 11(183), 33–40. <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.159>
- European Union (2024). *Regulation (EU) 2024/1689 of the European Parliament and of the Council of 13 June 2024 laying down harmonised rules on artificial intelligence (Artificial Intelligence Act)*.
- Hồ Thúy Ngọc (2025). Bảo hộ quyền tác giả với tác phẩm tạo ra từ trí tuệ nhân tạo. *Tạp chí Quản lý nhà nước*, 348.
- Lê Thị Hồng Sáng (2026). Xác lập quyền tác giả đối với tác phẩm có sự tham gia của trí tuệ nhân tạo. *Tạp chí điện tử Nghề nghiệp và Cuộc sống*. <https://nghenghiệpcuocsong.vn/xac-lap-quyen-tac-gia-doi-voi-tac-pham-co-su-tham-gia-cua-tri-tue-nhan-tao/>
- Nguyễn Trọng Luận (2025). Bảo hộ quyền tác giả trong kỷ nguyên số: Thách thức và giải pháp. *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật điện tử*. <https://danchuphapluat.vn/bao-ho-quyen-tac-gia-trong-ky-nguyen-so-thach-thuc-va-giai-phap-8091-8091.html&link=autochanger>
- Quốc hội (2005). *Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005*, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.
- Quốc hội (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*.
- Quốc hội (2025). *Luật số 131/2025/QH15 ngày 10/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15*.
- U.S. Copyright Office (2025). *Copyright and artificial intelligence, Part 2: Copyrightability*.
- World Intellectual Property Organization (WIPO) (n.d.). *WIPO conversation on intellectual property and artificial intelligence*. <https://www.wipo.int/en/web/frontier-technologies/artificial-intelligence/conversation?>